TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 21/10/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tặng

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Trần Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST – DS ngày 08/4/2019 về *" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2019/QĐXXST- DS ngày 19/9/2019 của TAND huyện Minh Hoá giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam

Địa chỉ: Số 02 L H, phường T C, quận B Đ, H N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T A L – Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 02/NHNo ngày 06/5/2019)

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Đ T T

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đ H T

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/12/2012 bà Đ T T và ông Đ H T có vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B theo hợp đồng tín dụng số LAV-201201252/HĐTD số tiền vay 290.000.000 đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Mục đích vay vốn: Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm và các mặt hàng tạp hóa với thời hạn cho vay là 12 tháng, hạn trả gốc ngày 05/12/2013. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 159 m^2 đất ở tại tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 900448 do UBND huyện M H cấp ngày 09/02/2007 và ngôi nhà gỗ lợp ngói hai gian diện tích 70m^2 được xây dựng trên đất. Nhưng trong thời gian vay vốn bà Đ T T và ông Đ H T không chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo quy định, vi phạm các thỏa thuận đã ký tại hồ sơ vay vốn, để nợ quá hạn dài ngày (thuộc nhóm nợ xấu).

Vì vậy Ngân hàng N Việt Nam ủy quyền cho Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B khởi kiện buộc bà Đ T T và ông Đ H T phải thanh toán toàn bộ số tiền đã vay tại ngân hàng theo hợp đồng tín dụng LAV-201201252/HĐTD số tiền 290.000.000 đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) và phần lãi phát sinh (tính đến ngày 21/10/2019) là 334.063.889 đ (Ba trăm ba mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Về phía bị đơn: Trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2019 tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bà Đ T T trình bày như sau: Ngày 05/12/2012 gia đình bà đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B số tiền 290.000.000 đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Nhưng do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, không có nguồn thu nhập để trả nợ nên bà có làm đơn xin gia hạn đến tháng 02 năm 2020 kéo dài thời gian để bà có đủ điều kiện trả nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đ H T trình bày: Gia đình ông đúng là có vay nợ của ngân hàng, vay là phải trả cả gốc và lãi đúng thời hạn nhưng hiện nay không có khả năng thanh toán cho ngân hàng. Mong Ngân hàng thông cảm, nếu có vợ chồng ông sẽ cố gắng thanh toán cho ngân hàng, xin ngân hàng gia hạn cho đến tháng 2/2020 gia đình ông sẽ cố gắng thanh toán tiền vay gốc cho ngân hàng, và xin ngân hàng xem xét miễn giảm lãi cho vợ chồng ông.

Đại diện VKSND huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Quan điểm giải quyết của VKSND huyện Minh Hóa: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 158, 164, 166, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 167, 179 Luật đất đai 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn Đ T T phải trả số tiền đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B số tiền cả gốc và lãi (tính đến ngày 21/10/2019) là 624.063.889 đ (Sáu trăm hai mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) và lãi phát sinh từ ngày 22/10/2019 đến ngày bà T thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Ngân hàng N Việt Nam có quyền xử lý các tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2] Ngày 05/12/2012 bà Đ T T và ông Đ H T có vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B số tiền 290.000.000 đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) và thế chấp tài sản là quyền sử dụng 159 m^2 đất ở tại tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 900448 do UBND huyện Minh Hóa cấp ngày 09/02/2007 và ngôi nhà gỗ lợp ngói hai gian diện tích 70m^2 được xây dựng trên đất nói trên .

Nhưng quá trình vay vốn sau đó bà T và ông T không trả gốc và lãi đúng hạn, hai bên đã thương lượng nhưng không có kết quả nên nguyên đơn đã khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được.

Xét thấy đề nghị của phía nguyên đơn là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam, đại diện theo uỷ quyền là ông T A L – Cán bộ ngân hàng yêu cầu bà Đ T T và ông Đ H T trả lại khoản tiền đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B cả gốc và lãi (tính đến ngày 21/10/2019) là 624.063.889 đ (Sáu trăm hai mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng). Trong đó dư nợ gốc là 290.000.000 đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) phần lãi phát sinh (tính đến ngày 21/10/2019) là 334.063.889 đ (Ba trăm ba mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 22/10/2019 đến ngày bà T thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà Đ T T gồm quyền sử dụng 159 m^2 đất ở tại tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 900448 do UBND huyện

M H cấp ngày 09/02/2007 và ngôi nhà gỗ lợp ngói hai gian diện tích 70m^2 được xây dựng trên đất nói trên.

[3] Về án phí: Bà Đ T T phải chịu 31.203.194 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm linh ba nghìn một trăm chín mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), do ông N V H nộp thay ông H T D theo biên lai án phí số 0004113 ngày 08/4/2019 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 158, điều 164, điều 166, điều 299, điều 321, điều 466, điều 468, khoản 2 điều 470 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 167, 179 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam là ông T A L.

2. Buộc bị đơn Đ T T và ông Đ H T phải trả số tiền đã vay tại Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B số tiền cả gốc và lãi (tính đến ngày 21/10/2019) là 624.063.889 đ (Sáu trăm hai mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng). Trong đó dư nợ gốc là 290.000.000 đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) phần lãi phát sinh (tính đến ngày 21/10/2019) là 334.063.889 đ (Ba trăm ba mươi tư triệu không trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 22/10/2019 đến ngày bà T thanh toán hết nợ cho ngân hàng

3. Ngân hàng N Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà bị đơn đã thế chấp là quyền sử dụng 159 m^2 đất ở tại tiểu khu 7, thị trấn Q Đ, huyện M H, tỉnh Q B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 900448 do UBND huyện M H cấp ngày 09/02/2007 và ngôi nhà gỗ lợp ngói hai gian diện tích 70m^2 được xây dựng trên đất nói trên để đảm bảo cho việc thu hồi nợ.

4.Về án phí: Bà Đ T T phải chịu 31.203.194 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm linh ba nghìn một trăm chín mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N chi nhánh huyện M H, Bắc Q B được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), do ông N V H nộp thay ông H T D theo biên lai án phí số 0004113 ngày 08/4/2019 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LAV-201201252/HĐTD ngày 05/12/2012, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay (lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 05/12/2012 là 13% /năm).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/10/2019), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Minh Hóa;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cụcTHADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Lâm Xướng

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**